

Bản án số: 10/2020/DS - ST
Ngày: 14 - 8- 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thân Văn Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G– Sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phúc N, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H– Sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đoàn Văn T– Sinh năm 1969 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị Hthôn N, xã N, huyện Việt Yên có mối quan hệ quen biết nhau từ trước do là người cùng xã chứ không có quan hệ họ hàng gì. Ngày 16/01/2016, bà có cho bà H vay số tiền 190.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận tiền, trong giấy biên nhận không thỏa thuận về lãi suất nhưng thực tế có thỏa thuận miệng về lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 16/01/2016. Từ khi vay đến ngày 24/12/2016, bà H đã trả cho bà được 50.000.000 đồng. Bà xác định số tiền bà H trả 50.000.000 đồng là trả vào tiền gốc. Nay bà yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán trả bà số tiền gốc còn lại là 140.000.000 đồng, bà không yêu cầu bà H trả tiền lãi. Bà xác định khi bà H vay bà tiền thì ông Đoàn Văn Tlà chồng bà H không biết và không ký giấy vay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hvắng mặt tại địa phương. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án để bà H biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bà H cũng như không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn Văn Ttrình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị H. Việc bà H vay tiền bà G như thế nào, vay bao nhiêu tiền, có viết giấy biên nhận và thỏa thuận về thời hạn trả, lãi suất hay không ông không được biết và không ký bất kỳ văn bản vay mượn nào giữa bà H và bà G. Ông cũng không được bà H thông báo về việc vay tiền bà G, không được sử dụng số tiền bà H vay bà G. Nay ông xác định ông không liên quan đến việc bà H vay tiền bà G nên đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng. Trường hợp Tòa án đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử tại Tòa án. Hiện nay bà H đang làm gì, ở đâu ông không biết vì đã lâu bà H không về nhà và không liên lạc gì với gia đình.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Cụ thể bà yêu cầu bà H phải thanh toán trả bà số tiền gốc là 140.000.000 đồng còn số tiền lãi và lãi chậm trả bà không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn bà H chưa chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, Điều 72, Điều 73 BLTTDS do được triệu tập nhưng vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải là vi phạm khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đã có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định tại Điều 234 BLTTDS; bị đơn không có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập, như vậy là ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Về ý kiến giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ để xác định việc khi bà G cho bà H vay tiền, ngoài bà G và bà H ra thì có ai làm chứng không?

Thu thập mẫu chữ viết, chữ ký của bà H; trưng cầu giám định để xác định xem chữ ký và chữ viết tại mục “người vay” trong giấy biên nhận vay tiền lập ngày 16 tháng 01 năm 2016 có phải chữ viết và chữ ký của bà H hay không?

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ bà Nguyễn Thị G đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện hợp đồng dân sự theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự 2015 là 03 năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình pháp bị xâm phạm. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 149 BLTTDS 2015 thì Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên. Ở đây, bà G không yêu cầu áp dụng về thời hiệu, bà H không có mặt tại địa phương, không có lời khai nên trong trường hợp này không áp dụng về thời hiệu.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Bà G khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán trả bà số tiền gốc là 140.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên nên theo quy định tại khoản 2 điều 26, điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Tòa án đã tiến hành niêm yết, triệu tập hợp lệ lần 2 đối với bà Nguyễn Thị H nhưng bà H không có mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn T xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do và Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt bà H, ông T là có căn cứ.

[4] Về pháp luật áp dụng và nội dung tranh chấp:

[4.1] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Gyêu cầu bà Nguyễn Thị Hthanh toán trả bà số tiền gốc 140.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 16/01/2016. Do thời điểm xác lập hợp đồng năm 2016, vì vậy luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án này là Bộ luật dân sự 2005.

[4.2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Gxác định ngày 16/01/2016 đương lịch, bà có cho bà H vay số tiền 190.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận và hẹn thời gian trả sau 3 tháng, không thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay nhưng có thỏa thuận miệng về lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Ngày 24/12/2016, bà H trả bà G 50.000.000 đồng, bà G xác nhận số tiền 50.000.000 đồng bà H trả vào tiền gốc. Đến nay bà yêu cầu bà H phải thanh toán trả bà 140.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lãi. Bà H đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trong hồ sơ, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà G, Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự. Việc bà H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà G là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 72 BLTTDS. Bà G cũng đã cung cấp được bản gốc giấy biên nhận vay tiền đề ngày 16/01/2016 nên yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm thanh toán: Bà G yêu cầu bà H thanh toán trả bà số tiền gốc 140.000.000 đồng, không yêu cầu ông T có nghĩa vụ liên đới trả cùng bà H. Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán trả bà Nguyễn Thị G số tiền 140.000.000 đồng.

[6] Về tiền lãi và lãi chậm trả: Bà G không yêu cầu bà H phải thanh toán trả bà tiền lãi và lãi chậm trả nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[7] Đối với yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tại phiên tòa về việc yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa đi xác minh thu thập tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh với chính quyền địa phương và lời khai của ông T (chồng bà H) xác định bà H hiện nay không có mặt ở địa phương nhưng hộ khẩu vẫn tại thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên. Bà H đi đâu, làm gì địa phương và gia đình không rõ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà H không đến Tòa làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là từ bỏ quyền chứng minh của mình. Nguyên đơn là bà G đã cung cấp được giấy vay tiền bản gốc và cung cấp đúng địa chỉ của bà H. Vì vậy, trong trường hợp này, Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, vắng

mặt không có lý do để giải quyết vụ án là có căn cứ. Do vậy, yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà H phải chịu án phí DSST theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 điều 26, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 149; điều 227; điều 228; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị G.

+ Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán trả bà Nguyễn Thị G số tiền 140.000.000 đồng.

Án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 7.000.000 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn có mặt biết có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi liên quan vắng mặt biết thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Việt Yên;
- Chi cục THADS H. Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên

